TÒA ÁN NHÂN DÂN **H** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2019/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 10 tháng 07 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Tân Sang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Minh và bà Phan Thị Thúy Hằng.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2019/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Mai Trọng T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng …do ông Trần Văn H – chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng …… làm đại diện theo giấy ủy quyền ….; Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Mai Trọng T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị P và anh Mai Trọng T thống nhất giao hai con chung tên là Mai Bùi Tố T, sinh ngày 25/7/2007 và Mai Bùi Giáng M, sinh ngày 12/12/2011 *(hiện nay cháu T và cháu M đang sống với chị P)* cho chị Bùi Thị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Mai Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị P và anh Mai Trọng T thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bị đơn anh Mai Trọng T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng …số tiền 60.000.000đồng *(sáu mươi triệu đồng)* trong đó tiền gốc là 60.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/7/2019 là 0 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 08/2 ngày 08/8/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng …với anh Mai Trọng T về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thời gian và phương thức trả nợ cụ thể như sau: Từ ngày 10/7/2019 đến ngày 14/8/2020 anh Mai Trọng T phải trả dứt điểm số tiền 60.000.000đồng *(sáu mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 08/2 ngày 08/8/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng ..với anh Mai Trọng T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/7/2019, bị đơn anh Mai Trọng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh Mai Trọng T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp anh Mai Trọng T không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng .. được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 635, tờ bản đồ số 21, diện tích 130m^2 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 056667 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp ngày 06/12/2017 mang tên ông Mai Trọng N, bà Lưu Thị T (đã tặng cho anh Mai Trọng T theo hồ sơ số 014482.TA.001) theo hợp đồng thế chấp số 08/2/HĐTC ngày 08/8/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh Mai Trọng T để thu hồi nợ.

Trường hợp anh Mai Trọng T trả nợ xong thì Ngân có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp nêu trên cho anh Mai Trọng Thứ theo hợp đồng thế chấp số 08/2/HĐTC ngày 08/8/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh Mai Trọng T.

- Về án phí: Chị Bùi Thị P phải chịu 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình và 1.500.000đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2015/0013326 ngày 29/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp 1.500.000đ

Anh Mai Trọng T phải chịu 1.500.000đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hòan trả cho Ngân hàng .. số tiền tạm ứng án phí 1.509.000đồng *(một triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0013415 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.P;
- Chi cục THADS H.P;
- UBND xã H;

(số 075, quyển số 01/2006)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)